

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 10-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Minh Luân;
2. Ông Tạ Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T, sinh ngày 01-01-1986, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Mai Thị P; Vợ: Nguyễn Thị Kim N (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20-4-2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, chấp hành xong án phí ngày 24-6-2010, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23-02-2011; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-11-2024 đến nay. (Có mặt).

2. Huỳnh Thanh D, sinh ngày 15-7-1998, tại Long An; Nơi cư trú: ò CHÍ Minh Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Q và bà Võ Ánh T2; Bị can chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07-9-2020, bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án số 55/2020/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27-9-2021; Ngày 05-7-2022 bị xử

phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 131/2022/HS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20-10-2023; Bị cáo D đang chấp hành hình phạt 03 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 16-01-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đối với hành vi phạm tội xảy ra ngày 03-4-2024, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 04-4-2024). (Có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 25-6-2020, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô biển số 62S1-005.52 chở Huỳnh Thanh D đến nhà ông Huỳnh Văn H tại ấp C, xã M, huyện Đ để uống rượu. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T chở D về nhà của D tại ấp D, xã M, huyện Đ. Khi đến nhà D, T thấy xe mô tô biển số 62S1-121.11 loại Wave Alpha, màu xanh-đen của ông Nguyễn Hữu L dựng trước sân nhà của D, T kêu D “mày lấy xe này đi, rồi tao dẫn mày đi bán”, D trả lời “để em lấy”. T điều khiển xe mô tô biển số 62S1-005.52 chạy về nhà của T, D đến xe mô tô biển số 62S1-121.11 thấy chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe, quan sát không có người trông coi, D khởi động xe điều khiển về nhà của T. Tại đây, T kêu D điều khiển xe mô tô vừa trộm được đi theo T đến huyện B, tỉnh Tây Ninh để bán; Trên đường đi, T và D đổi xe cho nhau, tiếp tục đi đến thị xã T, tỉnh Tây Ninh, cả hai ghé vào quán cà phê (không nhớ tên), T kêu D ở lại quán uống nước chờ, T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 62S1-121.11 trộm được chạy đến huyện B và gặp một người chạy xe ôm (không rõ nhân, thân lai lịch) bán xe được 4.000.000 đồng, xong đi xe ôm về lại quán cà phê gặp D. Sau đó, T cùng D và Huỳnh Minh T3 đi hát Karaoke. Tại quán Karaoke T3 chia cho D 1.000.000 đồng, số tiền còn lại, T3 trả tiền và tiêu xả cá nhân hết.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh-đen, biển số 62S1-121.11 T3 khai đã bán cho một người xe ôm không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra không thu hồi được; Đối với xe mô tô biển số 62S1-005.52 T3 sử dụng làm phương tiện phạm tội, do Phạm Quốc T4 đứng tên chủ sở hữu, T4 cho T3 để làm phương tiện đi lại, hiện T3 đã bán xe này cho một người không rõ nhân thân lai lịch, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Sau khi vụ việc xảy ra, bị hại Nguyễn Hữu L yêu cầu Nguyễn Minh T và Huỳnh Thanh D bồi thường thiệt hại 12.000.000 đồng, T và D chưa bồi thường.

Tại Kết luận định giá số 61/KL-TCKH ngày 29-6-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định xe mô tô biển số 62S1-121.11 loại Wave Alpha, màu xanh-đen, giá trị 6.850.000 đồng.

Cáo trạng số 08/CT-VKSĐH ngày 15-01-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Nguyễn Minh Thắng và Huỳnh Thanh Duy về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo T và D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố; Các bị cáo ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt; Các bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Hữu L 12.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng. Đối với xe mô tô biển số 62S1-005.52 bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã bán xe này cho một người không rõ nhân thân lai lịch được 3.500.000 đồng.

- Bị hại ông Nguyễn Hữu L trình bày: Xe mô tô biển số 62S1-121.11 loại Wave Alpha, màu xanh-đen, ông mua năm 2015 giá 19.600.000 đồng, xe do ông đứng tên. Khoảng 16 giờ đến 17 giờ ngày 25-6-2020, ông từ nhà điều khiển xe đến ấp D, xã M để cấm hàng rào trụ bê tông cho người khác, khi đến chỗ làm, ông dựng xe mô tô phía trái hông nhà một người dân cách chỗ làm khoảng 20m, khoảng 20 phút sau ông ra về thì phát hiện xe bị mất, ông trình báo Công an. Ông yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông 12.000.000 đồng giá trị xe theo thị trường, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T và Huỳnh Thanh D về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 tháng đến 01 năm tù;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án đang xét xử với Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 16-01-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đối với bị cáo D, đề nghị buộc bị cáo D chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 4 năm đến 4 năm 03 tháng tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

+ Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 62S1-005.52 bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội, bị cáo T đã bán xe này cho một người không rõ nhân thân lai lịch được 3.500.000 đồng, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền đã bán xe sung vào ngân sách nhà nước.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị hại và các bị cáo, để buộc các bị cáo T và D liên đới bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại Nguyễn Hữu L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 17 giờ ngày 25-6-2020, tại [ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#), các bị cáo [Nguyễn Minh T](#) và [Huỳnh Thanh D](#) đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của ông [Nguyễn Hữu L](#), lén lút lấy trộm của ông [L](#) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh-đen, biển số 62S1-121.11, giá trị xe được xác định là 6.850.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo [T](#) và [D](#) khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo [T](#) và [D](#) phù hợp khách quan với lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Các bị cáo [T](#) và [D](#) đủ lý trí và năng lực để nhận thức được việc xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo [T](#) và [D](#) không có sự bàn bạc, phân công cụ thể vai trò, trách nhiệm, cách thức thực hiện tội phạm cho từng bị cáo, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo, hành vi của các bị cáo thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự.

[5] Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo [T](#) và [D](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Cáo trạng số 08/CT-VKSĐH ngày 15-01-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo [T](#) và [D](#) với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi của các bị cáo [T](#) và [D](#) là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây nghi ngờ và bất bình trong quần chúng nhân dân; Hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm, các bị cáo có nhân thân xấu, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Trong vụ án, vai trò và mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo khác nhau. Bị cáo [T](#) với vai trò là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu và là người thực hành một cách tích cực, trực tiếp vận chuyển đi tiêu thụ tài sản, thực hiện tội phạm đến cùng; Hành vi của bị cáo [T](#) là nguy hiểm hơn đối với bị cáo [D](#); Bị cáo [D](#) với vai trò là người giúp sức, nhưng cũng là người thực hành tích cực, trực tiếp chiếm đoạt tài sản và cùng bị cáo [T](#) vận chuyển đi tiêu thụ, tuy nhiên, hành vi của bị cáo [D](#) ít nguy hiểm hơn bị cáo [T](#).

[9] Xét bị cáo [T](#) và bị cáo [D](#) trong quá điều tra, truy tố và xét xử, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[10] Các bị cáo [T](#) và [D](#) không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo [T](#) và [D](#) là có căn cứ pháp luật.

[12] Bị cáo [D](#), đang chấp hành hình phạt 03 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, hành vi phạm tội xảy ra ngày 03-4-2024, theo Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 16-01-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 04-4-2024); Cần tổng hợp hình phạt của Bản án đang xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đ với Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 16-01-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[13] Đối với người xe ôm, bị cáo [Nguyễn Minh T](#) khai có hành vi tiêu thu tài sản do [T](#) và [D](#) phạm tội mà có, không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra không thể tiến hành điều tra xử lý được. Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm không được xử lý, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với [Huỳnh Minh T3](#) có hành vi cùng các bị cáo [Nguyễn Minh T](#) và [Huỳnh Thanh D](#) sử dụng tiền do các bị cáo [T](#) và [D](#) phạm tội mà có, tuy nhiên [Huỳnh Minh T3](#) không biết rõ nguồn gốc số tiền bị cáo [T3](#) trả tiền hát karaoke là do các bị cáo [T3](#) và [D](#) phạm tội mà có, không biết việc các bị cáo [T3](#) và [Duy thực H1](#) hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra không xử lý và không đưa vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[15] Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự, xét thấy:

[15.1] Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh-đen, biển số 62S1-121.11, bị cáo [T3](#) khai đã bán xe cho một người xe ôm không rõ nhân thân lai lịch. Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên không đề cập là phù hợp;

[15.2] Xe mô tô biển số 62S1-005.52 bị cáo [T3](#) sử dụng làm phương tiện phạm tội, do ông [Phạm Quốc T4](#) đứng tên chủ sở hữu, ông [T4](#) cho bị cáo [T3](#) để làm phương tiện đi lại, hiện bị cáo [T3](#) đã bán xe này cho một người không rõ nhân thân lai lịch được 3.500.000 đồng, Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền 3.500.000 đồng đã bán xe sung vào ngân sách nhà nước; ông [Phạm Quốc T4](#) không liên quan đến nội dung vụ án nên không đưa vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[16] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông [Nguyễn Hữu L](#) yêu cầu và các bị cáo [T3](#) và [D](#) đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông [L](#) 12.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng là tự nguyện, nên ghi nhận để buộc các bị cáo [T3](#) và [D](#) liên

đời bồi thường cho bị hại; Cần áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trong việc tính lãi số tiền chậm thi hành án.

[17] Về án phí, căn cứ các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét thấy: Các bị cáo [T3](#) và [D](#) phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo [Nguyễn Minh T](#) và [Huỳnh Thanh D](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo [Nguyễn Minh T](#) 01 (một) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo [Nguyễn Minh T](#) bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13-11-2024).

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo [Nguyễn Minh T](#) 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10-3-2025), để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo [Huỳnh Thanh D](#) 01 (một) năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án đang xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đ với Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 16-01-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, buộc bị cáo [Huỳnh Thanh D](#) chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (bốn) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo [Huỳnh Thanh D](#) chấp hành án theo Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 16-01-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (ngày 04-4-2024).

- Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo [Nguyễn Minh T](#) nộp vào ngân sách nhà nước 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng), tiền đã bán xe mô tô biển số 62S1-005.52 (phương tiện phạm tội) là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo và bị hại: Buộc các bị cáo [Nguyễn Minh T](#) và [Huỳnh Thanh D](#) phải liên đới bồi thường cho ông [Nguyễn Hữu L](#) 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), chia phần cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (của người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Nguyễn Minh T** và **Huỳnh Thanh D** mỗi bị cáo phải nộp: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 10-3-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan THADS;
- Cơ quan điều tra;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã M;
- Hồ sơ THA.HS (07);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương